

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, tp Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, tp Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Lành- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1980.

- *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị S**, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện ghi ngày 29/02/2024; bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01/4/2024, ông Nguyễn Văn A trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông A và bà Vũ Thị S kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (số 44 ngày 06/8/2002). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và ông A thừa nhận có dùng bạo lực đánh bà S. Vì bản thân trong quá trình làm ăn gặp khó khăn nhưng bà S không chia sẻ, động viên. Đỉnh điểm bà S bỏ nhà đi chỗ khác ở từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Về tình cảm ông A cho rằng không còn yêu thương bà S nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông A được ly hôn với bà S.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Nguyễn Văn A xác nhận có 03 con chung:

1/ Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 23/12/2003;

2/ Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 14/02/2005;

3/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/10/2008.

Ly hôn, đối với hai con Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Thị Tr đã đủ 18 tuổi nên ông A không yêu cầu giải quyết; đối với con Nguyễn Văn T thì ông A yêu cầu được nuôi dưỡng, ông A không yêu cầu bà S phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

2. *Bị đơn bà Vũ Thị S vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/4/2024, bà S trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Vũ Thị S thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn A về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn.

Về mâu thuẫn vợ chồng bà S trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, nhiều lần hai vợ chồng xô xát lẫn nhau, nhiều lần gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Bà S thừa nhận bỏ đi khỏi nhà từ 5/2018 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông A.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Vũ Thị S xác nhận có 03 con chung:

1/ Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 23/12/2003;

2/ Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 14/02/2005;

3/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/10/2008.

Ly hôn, đối với hai con Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Thị Tr đã đủ 18 tuổi nên bà S không yêu cầu giải quyết; đối với con Nguyễn Văn T thì bà S đồng ý giao cho ông A nuôi dưỡng, bà S không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Có 01 tài sản chung là 01 ngôi nhà 03 tầng do vợ chồng bà S xây dựng vào năm 2010 trên mảnh đất có diện tích khoảng 495 m² đất ở, kích thước

các cạnh cụ thể ngang mặt tiền 15m, chiều sâu 33m, ước tính khoản 4.500.000.000 đ (Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng), bà S yêu cầu chia theo tỷ lệ 50/50, tương ứng khoảng 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng).

Bà S đồng ý tạm ứng án phí chia tài sản chung, tạm ứng tiền xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Không có.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn A đối với bà Vũ Thị S

Về con chung: Ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị S xác nhận có 03 con chung:

1/ Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 23/12/2003;

2/ Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 14/02/2005;

3/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/10/2008.

Ly hôn, đối với hai con Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Thị Tr đã đủ 18 tuổi nên ông A và bà S đều có ý kiến không yêu cầu giải quyết; đối với con Nguyễn Văn T thì bà S đồng ý giao cho ông A nuôi dưỡng, bà S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông A không yêu cầu giải quyết. Bà Vũ Thị S có yêu cầu giải quyết nhưng bà S không đến Tòa án để bổ sung tài liệu, chứng cứ và làm thủ tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông Nguyễn Văn A như ý kiến trình bày của bà S tại phiên hòa giải ngày 01/4/2024 nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Tranh chấp ly hôn giữa Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Vũ Thị S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông A và bà S theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị S kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (số 44 ngày 06/8/2002). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà S là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01 tháng 4 năm 2024, ông A và bà S đều thừa nhận sau khi kết hôn, ông A và bà S sống tại thôn Ph, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng, trong quá trình chung sống giữa ông A và bà S xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai bên không còn hòa thuận, quan tâm chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông A và bà S là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp yêu cầu xin ly hôn của ông A và xử cho ông A được ly hôn với bà S là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2]. Về con chung: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01 tháng 4 năm 2024, ông A và bà S đều thừa nhận có 03 con chung:

1/ Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 23/12/2003;

2/ Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 14/02/2005;

3/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/10/2008.

Ly hôn, đối với hai con Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Thị Tr đã đủ 18 tuổi nên ông A và bà S không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Đối với con Nguyễn Văn T thì ông A có nguyện vọng được nuôi dưỡng và không yêu cầu bà S cấp dưỡng; bà S đồng ý giao cho ông A nuôi dưỡng, bà S không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận xử giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/10/2008

cho ông A nuôi dưỡng và bà S không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với lời khai của ông A và bà S trong quá trình tố tụng.

[3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn A không yêu cầu giải quyết. Theo nội dung tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/4/2024 bị đơn bà Vũ Thị S có yêu cầu chia tài sản chung của hai vợ chồng. Ngày 08 tháng 4 năm 2024, Tòa án có giấy triệu tập bà S nhưng bà S không đến Tòa án để bổ sung tài liệu, chứng cứ và làm thủ tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông Nguyễn Văn A như ý kiến trình bày của bà tại phiên hòa giải ngày 01/4/2024. Như vậy, yêu cầu chia tài sản chung của bà S không có cơ sở để xem xét nên không xét.

Về nợ chung: Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn A và bà Vũ Thị S xác nhận không có nên không đề cập đến.

[4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A về việc yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn bà Vũ Thị S.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn A được ly hôn đối với bà Vũ Thị S.

2. Về con chung:

Đối với con Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 23/12/2003 và Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 14/02/2005 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

Giao con Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/10/2008 cho ông Nguyễn Văn A nuôi dưỡng và bà S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo

biên lai thu số 0000982 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn A đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H (số 44, ngày 06/8/2002);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đức Thọ